

Số: /QĐ-ĐHBK Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận tốt nghiệp và cấp bằng cho sinh viên

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA

Căn cứ Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg ngày 26 tháng 03 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của Đại học Quốc gia và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Nghị quyết số 08/NQ-HĐTĐHBK ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng trường Trường Đại học Bách khoa về việc ban hành Quy chế tạm thời về tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Bách khoa – Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 2349/QĐ-ĐHBK ngày 19/6/2024 của Hiệu trưởng trường Đại học Bách khoa – ĐHQG-HCM về việc ban hành Quy định Quản lý cấp phát văn bằng, chứng chỉ;

Theo đề nghị của Ông Trưởng Phòng Đào tạo xét tốt nghiệp năm 2026 đợt 1 (bổ sung 1).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng cho 212 sinh viên đại học (đính kèm danh sách tốt nghiệp).

Điều 2. Các Ông/bà Trưởng Phòng Đào tạo, các Khoa quản lý sinh viên, các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 2;
- Lưu: VT, ĐT.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

Trần Thiên Phúc

Thống kê tốt nghiệp khóa 2021 và các khóa khác (tính đến ngày 02/04/2026)

TT	Khoa/Trung tâm	Khóa 2018		Khóa 2019			Khóa 2020			Trung bình	Khóa 2021					Khóa 2022			Tổng
		Khá	TB Khá	Giỏi	Khá	TB Khá	Giỏi	Khá	TB Khá		Xuất Sắc	Giỏi	Khá	Trung bình	Xuất Sắc	Giỏi	Khá		
1	Cơ khí	-	-	-	1	-	-	6	4	-	-	-	20	1	-	-	-	32	
	Kỹ sư Tài năng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	Liên thông	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	CT Chất lượng cao	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2	1	-	-	-	3	
	Bằng 2	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
2	KT Địa chất - Dầu khí	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2	-	-	-	-	2	
	CT Chất lượng cao	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1	-	-	-	-	1	
3	Điện - Điện tử	-	-	-	2	-	-	7	8	-	1	2	13	5	-	-	-	38	
	Kỹ sư Tài năng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	CT Tiên tiến	-	-	-	-	1	-	-	-	1	-	-	4	-	-	-	-	5	
	Bằng 2	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
4	KT Giao thông	-	-	-	-	-	2	1	3	-	-	2	3	-	-	-	-	11	
	Bằng 2	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	CT Chất lượng cao	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	3	-	-	-	-	3	
5	KT Hóa học	-	-	-	-	1	-	1	1	-	-	-	1	2	-	-	-	6	
	Kỹ sư Tài năng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	CT Chất lượng cao	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
6	Môi trường & TN	-	-	-	-	-	-	-	1	-	-	1	7	-	-	-	-	9	
	CT Chất lượng cao	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1	-	-	-	-	-	1	
7	Khoa học & KTMT	-	-	-	-	-	-	3	1	-	2	2	4	-	-	-	1	13	
	Kỹ sư Tài năng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	CT Chất lượng cao	-	-	-	-	-	-	1	2	-	1	-	3	-	-	-	-	7	
	Bằng 2	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1	1	
8	Quản lý Công nghiệp	-	-	-	-	-	-	-	1	-	-	3	1	-	-	-	-	5	
	Kỹ sư Tài năng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	CT Chất lượng cao	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1	-	-	-	-	-	1	
9	Khoa học ứng dụng	-	-	-	-	-	-	1	1	-	-	1	2	1	-	-	-	6	
	CT Chất lượng cao	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
10	Công nghệ vật liệu	-	-	-	-	-	-	1	3	-	-	1	5	1	-	-	-	11	
	KT Xây dựng	2	-	-	1	1	-	12	6	-	-	4	21	3	-	-	-	50	
	Kỹ sư Tài năng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	CT Chất lượng cao	-	-	-	-	-	-	-	1	-	-	-	-	-	-	-	-	1	
	Bằng 2	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
12	KSCLC Việt Pháp	-	-	1	1	-	-	3	-	-	-	-	-	-	-	-	-	5	
	Cộng	2	0	1	5	3	2	36	32	1	4	17	93	14	0	0	2	212	

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠI HỌC CHÍNH QUY TỐT NGHIỆP và CẤP BẰNG NĂM 2026 - ĐỢT 1 (Bổ sung 1)

(Đính kèm QĐ số /QĐ-ĐHBK- ngày / / 2026)

Stt	Mã SV	Họ, tên SV	Ngày sinh	Tên lớp	Nơi sinh	Điểm TB tốt nghiệp	Xếp loại	Mã ngành	Hệ	Chứng chỉ	Tên ngành đào tạo	Ghi chú
Chương trình Đào tạo Chất lượng cao												
1	2152032	Lưu Quang Hoàng Cường	05/07/2003	CC21KHM2	Thành phố Hà Nội	2.50	Khá	7480101	CC	IELTS 6.5	Khoa học Máy tính	
2	2052444	Nguyễn Hải Đăng	16/01/2002	CC20KHM1	Kiên Giang	6.91	TB Khá	7480101	CC	ielts 6.5	Khoa học Máy tính	
3	2152534	Trần Trường Giang	22/08/2003	CC21KTM1	Tp. Hồ Chí Minh	3.10	Khá	7480106	CC	IELTS 6.5	Kỹ thuật Máy tính	
4	2153401	Đình Văn Việt Hùng	19/10/2003	CC21KTO2	Nam Định	2.60	Khá	7520130	CC	ielts 6.0	Kỹ thuật Ô tô	
5	2113625	Lại Hoàng Tuyết Hương	26/03/2003	CC21QCV1	Đồng Tháp	3.50	Giỏi	7510601	CC	ielts 7.5	Quản lý Công nghiệp	
6	2152603	Vũ Lê Huy	01/05/2003	CC21DK11	Tp. Hồ Chí Minh	2.50	Khá	7520604	CC	IELTS 6.5	Kỹ thuật Dầu khí	
7	2153422	Mai Anh Joshua	04/10/2003	CC21CK12	Bang California, Hoa K	2.70	Khá	7520103	CC	ielts 6.5	Kỹ thuật Cơ khí	
8	2053092	Lâm Hoàng Duy Khang	12/09/2002	CC20KTX1	Tp. Hồ Chí Minh	6.7	TB Khá	7580201	CC	ielts 6.0	Kỹ thuật Xây dựng	
9	2152112	Nguyễn Tường Khang	13/07/2003	CN21KHM1	Vĩnh Long	3.60	Xuất Sắc	7480101	CN	chung chỉ N3	Khoa học Máy tính	
10	2153460	Huỳnh Ngọc Đăng Khoa	03/07/2003	CC21CK12	Tp. Hồ Chí Minh	2.60	Khá	7520103	CC	ielts 6.0	Kỹ thuật Cơ khí	
11	2152132	Phan Minh Khoa	21/08/2003	CC21KTO2	Tp. Hồ Chí Minh	2.80	Khá	7520130	CC	ielts 6.0	Kỹ thuật Ô tô	
12	2052555	Đoàn Hồng Hiếu Kiên	05/03/2002	CC20KHM1	Tây Ninh	7.59	Khá	7480101	CC	ielts 6.0	Khoa học Máy tính	
13	2152763	Nguyễn Đức Minh	11/09/2003	CC21HKG2	Tp. Hồ Chí Minh	2.50	Khá	7520120	CC	ielts 7.0	Kỹ thuật Hàng không	
14	2152823	Lê Nguyễn Trọng Nhân	26/09/2003	CC21KMT2	Tp. Hồ Chí Minh	2.70	Khá	7520320	CC	ielts 6.0	Kỹ thuật Môi trường	
15	2014203	La Kỳ Phương	03/04/2002	CC20KHM2	Tp. Hồ Chí Minh	6.88	TB Khá	7480101	CC	ielts 6.5	Khoa học Máy tính	
16	2152950	Trần Mạnh Tài	06/07/2003	CC21KTM1	Tp. Hồ Chí Minh	3.00	Khá	7480106	CC	IELTS 6.0	Kỹ thuật Máy tính	
17	2153895	Nguyễn Trọng Tín	16/08/2003	CC21CK12	Khánh Hòa	2.40	Trung bình	7520103	CC	ielts 6.0	Kỹ thuật Cơ khí	
Khoa Cơ khí												
1	2110696	Hồ Kiến An	13/01/2003	CK21CDT1	Lâm Đồng	2.60	Khá	7520114	DH	Toeic 695	Kỹ thuật Cơ điện tử	
2	2110046	Võ Đình Bảo	22/12/2003	CK21CK01	Quảng Ngãi	2.80	Khá	7520103	DH	Toeic 690	Kỹ thuật Cơ khí	
3	2112964	Lương Hùng Cường	24/07/2003	CK21NH2	Tp. Hồ Chí Minh	2.70	Khá	7520115	DH	Toeic 660	Kỹ thuật Nhiệt	
4	2113154	Phạm Thành Đạt	08/12/2003	CK21DET	Tây Ninh	2.30	Trung bình	7520312	DH	Toeic 600	Kỹ thuật Dệt	
5	2012862	Huỳnh Sơn Dũng	26/01/2002	BD20BDG2	Tiền Giang	7.06	Khá	7510211	DH	Toeic 600	Bảo dưỡng Công nghiệp	
6	2110968	Trương Nguyễn Tấn Dũng	23/03/2003	CK21NH1	Thừa Thiên -Huế	2.50	Khá	7520115	DH	Toeic 800	Kỹ thuật Nhiệt	
7	2012856	Võ Thị Hồng Duyên	31/12/2002	BD20BDG6	Đồng Nai	6.94	TB Khá	7510211	DH	Toeic 600	Bảo dưỡng Công nghiệp	
8	2111158	Nguyễn Hoàng Gia Hân	24/04/2003	CK21CDM	Long An	2.50	Khá	7540204	DH	Toeic 605	Công nghệ Dệt, May	
9	2013114	Trương Huỳnh Gia Hân	19/09/2001	BD20BDG6	Tp. Hồ Chí Minh	7.33	Khá	7510211	DH	Toeic 605	Bảo dưỡng Công nghiệp	
10	2113359	Nguyễn Trung Hiếu	30/04/2003	CK21CK09	Tp. Hồ Chí Minh	2.90	Khá	7520103	DH	Toeic 610	Kỹ thuật Cơ khí	
11	2111344	Phan Sỹ Bảo Huy	02/05/2003	CK21NH1	Lâm Đồng	2.50	Khá	7520115	DH	Toeic 610	Kỹ thuật Nhiệt	
12	2113554	Trần Quang Huy	26/09/2003	CK21NH2	Bình Định	2.80	Khá	7520115	DH	Toeic 640	Kỹ thuật Nhiệt	

Stt	Mã SV	Họ, tên SV	Ngày sinh	Tên lớp	Nơi sinh	Điểm TB tốt nghiệp	Xếp loại	Mã ngành	Hệ	Chứng chỉ	Tên ngành đào tạo	Ghi chú
13	2111369	Võ Phúc Huy	12/01/2003	CK21CK04	Bến Tre	2.50	Khá	7520103	DH	Toeic 710	Kỹ thuật Cơ khí	
14	2110260	Nguyễn Quốc Khánh	01/01/2003	CK21CK01	Kiên Giang	2.90	Khá	7520103	DH	Toeic 665	Kỹ thuật Cơ khí	
15	2111756	Nguyễn Văn Minh	17/10/2003	CK21CK05	Tp. Hồ Chí Minh	2.90	Khá	7520103	DH	Toeic 605	Kỹ thuật Cơ khí	
16	2114127	Trần Khánh Nam	09/09/2003	CK21CDM	Bà Rịa-Vũng Tàu	2.60	Khá	7540204	DH	Toeic 615	Công nghệ Dệt, May	
17	2111975	Lê Tự Minh Phát	01/06/2003	CK21NH1	Lâm Đồng	2.60	Khá	7520115	DH	Toeic 770	Kỹ thuật Nhiệt	
18	2011965	Phạm Hoàng San	19/06/2002	CK20CK02	Bến Tre	6.96	TB Khá	7520103	DH	Toeic 600	Kỹ thuật Cơ khí	
19	2014348	Lê Xuân Sang	30/11/2001	CK20NH2	Nam Định	6.95	TB Khá	7520115	DH	Toeic 635	Kỹ thuật Nhiệt	
20	1914983	Nguyễn Thị Sương	01/01/2001	CK19CDM	Nghệ An	7.26	Khá	7540204	DH	Toeic 590	Công nghệ Dệt, May	
21	2012019	Hồ Trọng Tấn	12/07/2001	CK20CK03	Đắk Nông	7.04	Khá	7520103	DH	Toeic 615	Kỹ thuật Cơ khí	
22	2112281	Lê Trường Thái	14/11/2003	CK21NH1	Ninh Thuận	2.90	Khá	7520115	DH	Toeic 650	Kỹ thuật Nhiệt	
23	2112267	Lê Ngọc Vân Thanh	14/02/2003	CK21DET	Tp. Hồ Chí Minh	2.70	Khá	7520312	DH	Toeic 625	Kỹ thuật Dệt	
24	2112409	Trịnh Thị Anh Thư	05/07/2003	CK21CDM	Tp. Hồ Chí Minh	2.80	Khá	7540204	DH	Toeic 690	Công nghệ Dệt, May	
25	2115020	Nguyễn Thanh Tình	08/01/2003	BD21BDG2	Quảng Ngãi	2.60	Khá	7510211	DH	Toeic 655	Bảo dưỡng Công nghiệp	
26	2014779	Phan Thanh Toàn	16/03/2002	CK20NH2	Bình Định	6.81	TB Khá	7520115	DH	Toeic 690	Kỹ thuật Nhiệt	
27	2014839	Vũ Thị Tú Trinh	05/03/2002	CK20DET	Bình Thuận	7.09	Khá	7520312	DH	Toeic 610	Kỹ thuật Dệt	
28	2014904	Trần Trịnh Thanh Trúc	07/01/2001	CK20DET	Ninh Thuận	7.12	Khá	7520312	DH	Toeic 620	Kỹ thuật Dệt	
29	2115106	Bùi Lê Anh Trung	05/08/2003	CK21CK07	Bình Dương	2.60	Khá	7520103	DH	Toeic 625	Kỹ thuật Cơ khí	
30	2115224	Quan ánh Tú	15/03/2003	CK21NH2	Lâm Đồng	3.00	Khá	7520115	DH	Toeic 725	Kỹ thuật Nhiệt	
31	2115184	Phan Thanh Tuấn	14/01/2003	CK21CK08	Bình Định	2.90	Khá	7520103	DH	Toeic 615	Kỹ thuật Cơ khí	
32	2015027	Tổng Đình Văn	27/06/2002	CK20CDT4	Bình Định	7.47	Khá	7520114	DH	Toeic 620	Kỹ thuật Cơ điện tử	
Khoa Kỹ thuật Địa chất và Dầu khí												
1	2113372	Nguyễn Trương Như Hiền	20/10/2003	DC21DC1	Long An	2.60	Khá	7520501	DH	Toeic 640	Kỹ thuật Địa chất	
2	2114737	Trần Nhật Tân	09/06/2003	DC21DC1	Tây Ninh	2.80	Khá	7520501	DH	Toeic 710	Kỹ thuật Địa chất	
Khoa Điện - Điện tử												
1	2112723	Dương Thế An	19/11/2003	DD21DV1	Bình Dương	2.90	Khá	7520207	DH	Toeic 660	Kỹ thuật Điện tử-Viễn thông	
2	2112924	Liu An Cheng	06/03/2003	DD21TD1	Trung Quốc	3.30	Giỏi	7520216	DH	Toeic 800	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	
3	2113182	Nguyễn Minh Đăng	16/10/2003	DD21DV1	Tp. Hồ Chí Minh	2.40	Trung bình	7520207	DH	Toeic 875	Kỹ thuật Điện tử-Viễn thông	
4	2013014	Trần Đình Đức	22/08/2002	DD20TD1	Hà Tĩnh	7.16	Khá	7520216	DH	Toeic 610	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	
5	2012858	Dương Tiến Dũng	06/12/2002	DD20DV2	Hà Tĩnh	7.28	Khá	7520207	DH	Toeic 650	Kỹ thuật Điện tử-Viễn thông	
6	2011008	Nguyễn Khánh Duy	11/03/2002	DD20DV1	Tp. Hồ Chí Minh	7.15	Khá	7520207	DH	Toeic 700	Kỹ thuật Điện tử-Viễn thông	
7	2011137	Hồ Cao Thái Hào	10/01/2002	DD20KTD2	Tp. Hồ Chí Minh	6.19	TB Khá	7520201	DH	IELTS 5.5	Kỹ thuật Điện	
8	2113341	Giao Hữu Hiếu	21/03/2003	DD21TD1	Quảng Nam	3.10	Khá	7520216	DH	Toeic 905	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	
9	2111189	Nguyễn Minh Hiếu	07/07/2003	DD21KTD1	Đồng Nai	2.50	Khá	7520201	DH	Toeic 840	Kỹ thuật Điện	
10	2111253	Nguyễn Xuân Hoàng	09/02/2003	DD21DV2	Khánh Hòa	2.40	Khá	7520207	DH	Toeic 750	Kỹ thuật Điện tử-Viễn thông	
11	2113635	Lê Phạm Hữu	15/02/2003	DD21TD1	Phú Yên	2.40	Khá	7520216	DH	Toeic 645	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	
12	2113516	Nguyễn Phát Huy	27/02/2003	DD21TD1	Tp. Hồ Chí Minh	3.40	Giỏi	7520216	DH	Toeic 630	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	
13	2110209	Trần Gia Quân Huy	03/11/2003	DD21TD1	Kiên Giang	3.60	Xuất Sắc	7520216	DH	Toeic 655	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	

Stt	Mã SV	Họ, tên SV	Ngày sinh	Tên lớp	Nơi sinh	Điểm TB tốt nghiệp	Xếp loại	Mã ngành	Hệ	Chứng chỉ	Tên ngành đào tạo	Ghi chú
14	2113734	Ngô Gia Khảm	22/03/2003	DD21TD1	Quảng Trị	2.90	Khá	7520216	DH	Toeic 665	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	
15	2011417	Lê Đồng Khoa	08/12/2002	DD20DV3	Kiên Giang	7.2	Khá	7520207	DH	Toeic 620	Kỹ thuật Điện tử-Viễn thông	
16	2011433	Võ Chí Khoa	21/09/2002	DD20DV3	Tp. Hồ Chí Minh	6.72	TB Khá	7520207	DH	Toeic 895	Kỹ thuật Điện tử-Viễn thông	
17	2011483	Huỳnh Công Tuấn Kiệt	08/11/2002	DD20DV3	Tp. Hồ Chí Minh	6.65	TB Khá	7520207	DH	Toeic 605	Kỹ thuật Điện tử-Viễn thông	
18	2111587	Nguyễn Gia Kiệt	26/06/2003	DD21TD2	Tp. Hồ Chí Minh	2.80	Khá	7520216	DH	Toeic 675	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	
19	2010040	Trương Tuấn Kiệt	30/09/2002	DD20DV3	Đồng Tháp	6.99	TB Khá	7520207	DH	Toeic 665	Kỹ thuật Điện tử-Viễn thông	
20	2011576	Nguyễn Tiến Lộc	15/03/2002	DD20KTD3	Lâm Đồng	6.37	TB Khá	7520201	DH	Toeic 640	Kỹ thuật Điện	
21	1913989	Hồ Công Long	10/02/2001	DD19DV4	Bình Phước	7	Khá	7520207	DH	Toeic 570	Kỹ thuật Điện tử-Viễn thông	
22	2113982	Nguyễn Thành Luân	10/07/2003	DD21DV3	Bình Định	3.10	Khá	7520207	DH	Toeic 600	Kỹ thuật Điện tử-Viễn thông	
23	2010419	Phạm Hoài Bảo Minh	04/09/2002	DD20KTD3	Tp. Hồ Chí Minh	6.78	TB Khá	7520201	DH	ielts 6.5	Kỹ thuật Điện	
24	1911721	Nguyễn Hoàng Nguyên	12/02/2001	DD19DV5	Phú Yên	7.02	Khá	7520207	DH	Toeic 555	Kỹ thuật Điện tử-Viễn thông	
25	2011772	Đinh Thị Quỳnh Như	01/11/2007	DD20KTD3	Tp. Hồ Chí Minh	6.71	TB Khá	7520201	DH	Toeic 620	Kỹ thuật Điện	
26	2114369	Huỳnh Thịnh Phát	08/06/2003	DD21DV3	Long An	2.70	Khá	7520207	DH	Toeic 615	Kỹ thuật Điện tử-Viễn thông	
27	2014087	Nguyễn Tiến Phát	11/08/2002	DD20KTD3	An Giang	7.2	Khá	7520201	DH	Toeic 690	Kỹ thuật Điện	
28	2114620	Phạm Dương Quỳnh	12/11/2003	DD21DV4	Bình Dương	2.60	Khá	7520207	DH	Toeic 765	Kỹ thuật Điện tử-Viễn thông	
29	2014347	Huỳnh Thanh Sang	16/10/2002	DD20DV4	Phú Yên	7.52	Khá	7520207	DH	Toeic 640	Kỹ thuật Điện tử-Viễn thông	
30	2014450	Giang Thoại Tân	01/01/2002	DD20DV4	Sóc Trăng	7.19	Khá	7520207	DH	Toeic 725	Kỹ thuật Điện tử-Viễn thông	
31	2114731	Phạm Tú Tân	01/11/2003	DD21DV4	Thành Phố Cần Thơ	6.44	Trung bình	7520207	DH	Toeic 680	Kỹ thuật Điện tử-Viễn thông	
32	2114792	Phạm Nguyễn Tiến Thành	06/08/2003	DD21KTD3	Đồng Nai	2.20	Trung bình	7520201	DH	Toeic 690	Kỹ thuật Điện	
33	2114793	Trần Đại Thành	12/11/2003	DD21DV4	Kiên Giang	2.30	Trung bình	7520207	DH	Toeic 780	Kỹ thuật Điện tử-Viễn thông	
34	2112312	Đoàn Thị Phương Thảo	11/10/2003	DD21DV4	Tp. Hồ Chí Minh	2.70	Khá	7520207	DH	Toeic 630	Kỹ thuật Điện tử-Viễn thông	
35	2012096	Nguyễn Đức Thiện	17/10/2001	DD20KTD1	Tp. Hồ Chí Minh	6.51	TB Khá	7520201	DH	Toeic 835	Kỹ thuật Điện	
36	2112575	Huỳnh Phạm Anh Tuấn	09/04/2003	DD21KTD3	Tp. Hồ Chí Minh	2.50	Khá	7520201	DH	ielts 7.0	Kỹ thuật Điện	
37	2115175	Nguyễn Anh Tuấn	13/01/2003	DD21TD2	Đồng Nai	2.50	Khá	7520216	DH	Toeic 600	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	
38	2115199	Phạm Đức Tuệ	02/09/2003	DD21KTD3	Tp. Hồ Chí Minh	2.40	Trung bình	7520201	DH	IELTS 6.5	Kỹ thuật Điện	
Khoa Kỹ thuật Giao thông												
1	2113115	Trần Ân Đại	22/03/2003	GT21OTO2	Đồng Nai	3.20	Giỏi	7520130	DH	Toeic 795	Kỹ thuật Ô tô	
2	2111050	Phạm Bá Đăng	31/12/2003	GT21OTO1	Tp. Hồ Chí Minh	3.20	Giỏi	7520130	DH	Toeic 910	Kỹ thuật Ô tô	
3	2013222	Lê Ngọc Hoàng	08/11/2002	GT20OTO3	Quảng Nam	7.32	Khá	7520130	DH	Toeic 645	Kỹ thuật Ô tô	
4	2114047	Lê Minh	27/05/2003	GT21OTO3	Tp. Hồ Chí Minh	2.70	Khá	7520130	DH	Toeic 640	Kỹ thuật Ô tô	
5	2114129	Trần Nhật Nam	03/09/2003	GT21TAU	Tp. Hồ Chí Minh	3.00	Khá	7520122	DH	Toeic 785	Kỹ thuật Tàu thủy	
6	2114129	Trần Nhật Nam	03/09/2003	GT21HK1	Tp. Hồ Chí Minh	3.00	Khá	7520120	DH	Toeic 785	Kỹ thuật Hàng không	
7	2011819	Nguyễn Nhất Phong	21/12/2002	GT20TAU	Bình Định	6.93	TB Khá	7520122	DH	Toeic 725	Kỹ thuật Tàu thủy	
8	2011819	Nguyễn Nhất Phong	21/12/2002	GT20HK1	Bình Định	6.93	TB Khá	7520120	DH	Toeic 725	Kỹ thuật Hàng không	
9	2014384	Nguyễn Văn Sơn	13/05/2002	GT20TAU	Tp. Hồ Chí Minh	8.01	Giỏi	7520122	DH	Toeic 675	Kỹ thuật Tàu thủy	
10	2014384	Nguyễn Văn Sơn	13/05/2002	GT20HK1	Tp. Hồ Chí Minh	8.01	Giỏi	7520120	DH	Toeic 675	Kỹ thuật Hàng không	
11	2014471	Hà Hoàng Thái	08/01/2002	GT20OTO3	Đắk Lắk	6.78	TB Khá	7520130	DH	Toeic 640	Kỹ thuật Ô tô	

Stt	Mã SV	Họ, tên SV	Ngày sinh	Tên lớp	Nơi sinh	Điểm TB tốt nghiệp	Xếp loại	Mã ngành	Hệ	Chứng chỉ	Tên ngành đào tạo	Ghi chú
Khoa Kỹ thuật Hóa học												
1	2110776	Đoàn Quốc Bảo	21/02/2003	HC21DK	Tiền Giang	2.20	Trung bình	7520301	DH	Ielts 5.5	Kỹ thuật Hóa học	
2	2013411	Đào Chí Hữu	11/02/2002	HC20TP1	An Giang	7.92	Khá	7540101	DH	Toeic 665	Công nghệ Thực phẩm	
3	2011695	Đặng Ngọc Phúc Nguyên	04/02/2002	HC20SH	Thành phố Đà Nẵng	6.2	TB Khá	7420201	DH	Toeic 850	Công nghệ Sinh học	
4	2111982	Nguyễn Thành Phát	07/04/2003	HC21HLY	Bình Dương	2.70	Khá	7520301	DH	Toeic 655	Kỹ thuật Hóa học	
5	1915181	Lê Thị Phương Thảo	01/12/2001	HC19MB1	Bình Thuận	6.87	TB Khá	7520301	DH	Toeic 610	Kỹ thuật Hóa học	
6	2115211	Bùi Minh Tú	10/03/2003	HC21DK	Đồng Nai	2.30	Trung bình	7520301	DH	Toeic 750	Kỹ thuật Hóa học	
Khoa Khoa học Ứng dụng												
1	2011163	Nguyễn Nhật ánh Hằng	07/09/2002	KU20VLY1	Đắk Lắk	6.27	TB Khá	7520401	DH	Toeic 695	Vật lý Kỹ thuật	
2	2113644	Huỳnh Trần Tuấn Kha	14/01/2003	KU21CKT2	Bà Rịa-Vũng Tàu	3.30	Giỏi	7520101	DH	Toeic 650	Cơ Kỹ thuật	
3	2114088	Võ Quang Minh	17/09/2003	KU21VLY1	Gia Lai	2.50	Khá	7520401	DH	Toeic 700	Vật lý Kỹ thuật	
4	2114408	Võ Đức Phong	27/09/2003	KU21VLY1	Vĩnh Long	2.20	Trung bình	7520401	DH	Toeic 705	Vật lý Kỹ thuật	
5	2012188	Trần Nguyễn Ngọc Tiên	19/08/2002	KU20VLY1	Bình Thuận	7.04	Khá	7520401	DH	Toeic 645	Vật lý Kỹ thuật	
6	2112699	Phạm Mỹ Xuân	29/06/2003	KU21VLY1	Tp. Hồ Chí Minh	2.50	Khá	7520401	DH	Toeic 850	Vật lý Kỹ thuật	
Khoa Môi trường và Tài nguyên												
1	2113416	Phạm Trí Hoàng	16/04/2009	MO21QLM	Tp. Hồ Chí Minh	3.10	Khá	7850101	DH	Toeic 805	Quản lý Tài nguyên và Môi trường	
2	2113480	Lâm Gia Huy	26/03/2003	MO22QM1	Tp. Hồ Chí Minh	2.50	Khá	7850101	DH	Toeic 680	Quản lý Tài nguyên và Môi trường	
3	2111720	Kiều Đăng Mạnh	07/06/2003	MO21QLM	Bình Phước	2.60	Khá	7850101	DH	Toeic 600	Quản lý Tài nguyên và Môi trường	
4	2114143	Cao Thị Thanh Ngân	24/12/2003	MO21QLM	Lâm Đồng	2.50	Khá	7850101	DH	Toeic 605	Quản lý Tài nguyên và Môi trường	
5	2114200	Lê Bảo Ngọc	09/04/2003	MO21KMT1	Đồng Nai	3.30	Giỏi	7520320	DH	Toeic 605	Kỹ thuật Môi trường	
6	2114617	Nguyễn Thị Diễm Quỳnh	24/07/2003	MO21KMT1	Vĩnh Phúc	3.00	Khá	7520320	DH	Toeic 625	Kỹ thuật Môi trường	
7	2012000	Phan Tuấn Tài	17/04/2002	MO20QLM	Bình Dương	6.92	TB Khá	7850101	DH	Toeic 635	Quản lý Tài nguyên và Môi trường	
8	2114813	Trương Phương Thảo	18/01/2003	MO21QLM	Đồng Nai	2.40	Khá	7850101	DH	Toeic 620	Quản lý Tài nguyên và Môi trường	
9	2114982	Châu Hạo Tiến	28/03/2003	MO21KMT1	Tp. Hồ Chí Minh	2.70	Khá	7520320	DH	Toeic 605	Kỹ thuật Môi trường	
Khoa Khoa học và Kỹ thuật Máy tính												
1	2112742	Nguyễn Xuân An	24/07/2003	MT21KH10	Đắk Lắk	2.90	Khá	7480101	DH	Toeic 645	Khoa học Máy tính	
2	2013037	Danh Sơn Hà	27/12/2002	MT20KT04	Bạc Liêu	7.22	Khá	7480106	DH	Toeic 750	Kỹ thuật Máy tính	
3	2220005	Đặng Thanh Hàng	16/02/2007	MT22B2KH	Quảng Ngãi	2.80	Khá	7480101	B2	Toeic 620	Khoa học Máy tính	
4	2111392	Bùi Quang Hưng	14/02/2003	MT21KH08	Lâm Đồng	2.80	Khá	7480101	DH	Toeic 975	Khoa học Máy tính	
5	2113650	Phạm Ngọc Khai	24/05/2003	MT21KT05	Quảng Ngãi	2.60	Khá	7480106	DH	Toeic 720	Kỹ thuật Máy tính	
6	2110300	Lê Văn Tuấn Kiệt	14/02/2003	MT21KT01	Quảng Trị	3.50	Xuất Sắc	7480106	DH	Toeic 835	Kỹ thuật Máy tính	
7	2211848	Hồ Tuấn Linh	26/08/2004	MT22KH04	Nghệ An	2.90	Khá	7480101	DH	Toeic 615	Khoa học Máy tính	
8	2010044	Lưu Vĩnh Lợi	09/12/2002	MT20KT01	Đồng Tháp	6.85	TB Khá	7480106	DH	Toeic 685	Kỹ thuật Máy tính	
9	2013761	Lê Quang Minh	06/03/2002	MT20KH12	Khánh Hòa	7.6	Khá	7480101	DH	Toeic 645	Khoa học Máy tính	
10	2110405	Nguyễn Nguyễn Nguyễn	25/10/2003	MT21KT01	Quảng Nam	3.60	Xuất Sắc	7480106	DH	Toeic 855	Kỹ thuật Máy tính	
11	2114381	Nguyễn Tiến Phát	07/11/2003	MT21KH10	Tiền Giang	2.80	Khá	7480101	DH	Toeic 670	Khoa học Máy tính	
12	2110559	Lâm Tấn Thịnh	28/04/2003	MT21KH07	Trà Vinh	3.30	Giỏi	7480101	DH	Toeic 745	Khoa học Máy tính	

Stt	Mã SV	Họ, tên SV	Ngày sinh	Tên lớp	Nơi sinh	Điểm TB tốt nghiệp	Xếp loại	Mã ngành	Hệ	Chứng chỉ	Tên ngành đào tạo	Ghi chú
13	2115257	Bùi Lê Văn	18/09/2003	MT21KH10	Phú Yên	3.30	Giỏi	7480101	DH	Toeic 875	Khoa học Máy tính	
14	2015070	Nguyễn Trọng Vinh	07/08/2002	MT20KT05	Bình Định	7.53	Khá	7480106	DH	Toeic 615	Kỹ thuật Máy tính	
Khoa Quản lý Công nghiệp												
1	2112893	Dương Thị Ngọc Bích	10/08/2003	QL21QKD	Hậu Giang	3.20	Giỏi	7510601	DH	Toeic 630	Quản lý Công nghiệp	
2	2113712	Nguyễn Văn Khánh	23/11/2003	QL21QCN	Lâm Đồng	3.10	Giỏi	7510601	DH	Toeic 610	Quản lý Công nghiệp	
3	2113781	Võ Đăng Khoa	03/05/2003	QL21QCN	Bình Định	3.30	Giỏi	7510601	DH	Toeic 615	Quản lý Công nghiệp	
4	2013943	Trương Công Nguyễn	19/06/2002	QL20KD	Quảng Trị	6.62	TB Khá	7510601	DH	Toeic 605	Quản lý Công nghiệp	
5	2114807	Nguyễn Thanh Thảo	15/03/2003	QL21QKD	Tây Ninh	2.90	Khá	7510601	DH	Toeic 765	Quản lý Công nghiệp	
Chương trình Tiên tiến												
1	2151189	Nguyễn Hữu Đức	11/05/2003	TT21COA1	Tp. Hồ Chí Minh	2.90	Khá	7520201	TT	Ielts 6.5	Kỹ thuật Điện - Điện tử	
2	2151076	Lê Huy Hoàng	21/03/2003	TT21HSA1	Tp. Hồ Chí Minh	2.70	Khá	7520201	TT	Ielts 6	Kỹ thuật Điện - Điện tử	
3	2151105	Nguyễn Phạm Minh Khôi	09/11/2003	TT21HSA1	Tp. Hồ Chí Minh	2.40	Khá	7520201	TT	IELTS 6.0	Kỹ thuật Điện - Điện tử	
4	2151106	Bùi Trung Kiên	05/11/2003	TT21HSA1	Lâm Đồng	2.50	Khá	7520201	TT	IELTS 7.0	Kỹ thuật Điện - Điện tử	
5	1951205	Lê Nhật Thiện	30/01/2001	TT20HSA1	Bến Tre	6.21	TB Khá	7520201	TT	Ielts 6.0	Kỹ thuật Điện - Điện tử	
6	2051201	Lê Đình Thuận	09/04/2002	TT20COA1	Tp. Hồ Chí Minh	5.94	Trung bình	7520201	TT	Ielts 6	Kỹ thuật Điện - Điện tử	
Khoa Công nghệ Vật liệu												
1	2110854	Trần Đình Yên Chi	25/06/2003	VL21VKH	Tp. Hồ Chí Minh	2.70	Khá	7520309	DH	IELTS 6.0	Kỹ thuật Vật liệu	
2	2113202	Bùi Văn Đức	23/04/2003	VL21VKH	Thanh Hóa	7.1	Khá	7520309	DH	Toeic 615	Kỹ thuật Vật liệu	
3	2113266	Hồ Danh Giá	19/04/2003	VL21VKN	Long An	3.50	Giỏi	7520309	DH	Toeic 660	Kỹ thuật Vật liệu	
4	2113402	Mạc Đức Hoàng	04/11/2003	VL21VPO	Kiên Giang	2.40	Trung bình	7520309	DH	Toeic 665	Kỹ thuật Vật liệu	
5	2013353	Đặng Phi Hùng	20/06/2002	VL20VPO	Bình Dương	6.45	TB Khá	7520309	DH	Toeic 600	Kỹ thuật Vật liệu	
6	2111512	Trần Quang Khải	02/03/2003	VL21VKN	Đồng Nai	2.60	Khá	7520309	DH	Toeic 650	Kỹ thuật Vật liệu	
7	2114025	Phạm Trí Mạnh	20/10/2003	VL21VSI	Tp. Hồ Chí Minh	2.60	Khá	7520309	DH	Toeic 630	Kỹ thuật Vật liệu	
8	2013751	Đình Công Minh	07/09/2002	VL20VKN	Quảng Bình	7.1	Khá	7520309	DH	Toeic 725	Kỹ thuật Vật liệu	
9	2011668	Võ Thanh Ngân	10/01/2002	VL20VPO	Tp. Hồ Chí Minh	6.2	TB Khá	7520309	DH	Toeic 730	Kỹ thuật Vật liệu	
10	2014056	Phạm Trần Quỳnh Như	18/09/2002	VL20VPO	Bà Rịa-Vũng Tàu	6.71	TB Khá	7520309	DH	Toeic 600	Kỹ thuật Vật liệu	
11	2114473	Huỳnh Trần Huệ Phương	21/05/2003	VL21VKH	Tp. Hồ Chí Minh	2.60	Khá	7520309	DH	Toeic 615	Kỹ thuật Vật liệu	
Chương trình Việt - Pháp (PFIEV)												
1	1911398	Huỳnh Đăng Khoa	21/09/2001	VP19VT	Bến Tre	8.41	Giỏi	7520201	VP	Toeic 800	Kỹ thuật Điện (Viễn thông)	
2	1911757	Nguyễn Thành Nhân	04/01/2001	VP19VT	Tp. Hồ Chí Minh	7.99	Khá	7520201	VP	Toeic 865	Kỹ thuật Điện (Viễn thông)	
3	2010488	Lê Hoàng Yển Nhi	10/10/2002	VP20QN	Bến Tre	7.73	Khá	7580201	VP	Ielts 6.5	Kỹ thuật Xây dựng (Kỹ thuật và Quản lý nước đô thị)	
4	2010577	Nguyễn Quang Sang	09/04/2002	VP20VT	Tp. Hồ Chí Minh	7	Khá	7520201	VP	Ielts 5.5	Kỹ thuật Điện (Viễn thông)	
5	2010701	Phan Vũ Bảo Tín	18/02/2002	VP20VT	Tp. Hồ Chí Minh	7.09	Khá	7520201	VP	IELTS 6.0	Kỹ thuật Điện (Viễn thông)	
Khoa Kỹ thuật Xây dựng												
1	2110734	Ngô Trần Anh	03/09/2003	XD21CD1	Tp. Hồ Chí Minh	2.60	Khá	7580205	DH	Ielts 5.5	Kỹ thuật Xây dựng Công trình Giao thông	
2	2010861	Nguyễn Ngọc Lan Anh	26/02/2002	XD20DD1	Tiền Giang	7.11	Khá	7580201	DH	Toeic 625	Kỹ thuật Xây dựng	

Stt	Mã SV	Họ, tên SV	Ngày sinh	Tên lớp	Nơi sinh	Điểm TB tốt nghiệp	Xếp loại	Mã ngành	Hệ	Chứng chỉ	Tên ngành đào tạo	Ghi chú
3	2112850	Dương Gia Bảo	11/12/2003	XD21DD2	Vĩnh Long	3.10	Khá	7580201	DH	Toeic 605	Kỹ thuật Xây dựng	
4	2112910	Trần Võ Nhật Bình	16/05/2003	XD21DD3	Bến Tre	2.80	Khá	7580201	DH	Toeic 695	Kỹ thuật Xây dựng	
5	2110831	Lê Thiên Cao	19/08/2003	XD21CD1	Tp. Hồ Chí Minh	2.20	Trung bình	7580205	DH	Toeic 680	Kỹ thuật Xây dựng Công trình Giao thông	
6	2012748	Trần Quốc Chương	16/07/2002	XD20CB1	Quảng Ngãi	6.79	TB Khá	7580203	DH	Toeic 600	Kỹ thuật Xây dựng Công trình Biển	
7	2012953	Trần Tấn Đạt	24/06/2002	XD20DD1	Tp. Hồ Chí Minh	7.09	Khá	7580201	DH	Toeic 605	Kỹ thuật Xây dựng	
8	2013005	Nguyễn Xuân Đức	20/05/2002	XD20VL	Tp. Hồ Chí Minh	6.64	TB Khá	7510105	DH	Toeic 615	Công nghệ Kỹ thuật Vật liệu Xây dựng	
9	2113235	Tổng Hùng Đức	22/04/2003	XD21KT	Tp. Hồ Chí Minh	3.20	Giỏi	7580101	DH	Toeic 845	Kiến trúc	
10	2113201	Trần Thị Thúy Được	12/03/2003	XD21DD1	Đồng Tháp	3.50	Giỏi	7580201	DH	Toeic 635	Kỹ thuật Xây dựng	
11	2012816	Hoàng Văn Duy	01/01/2002	XD20DD1	Đồng Nai	7.27	Khá	7580201	DH	Toeic 620	Kỹ thuật Xây dựng	
12	2113292	Đình Hoàng Phúc Hải	15/02/2003	XD21CD1	Đồng Nai	2.50	Khá	7580205	DH	Toeic 755	Kỹ thuật Xây dựng Công trình Giao thông	
13	1812292	Trần Huy Hoàng	29/03/2000	XD18KT	Bình Phước	7.25	Khá	7580101	DH	Toeic 505	Kiến trúc	
14	2013298	Lê Văn Huy	10/08/2002	XD20TL1	Tp. Hồ Chí Minh	6.92	TB Khá	7580202	DH	Toeic 815	Kỹ thuật Xây dựng Công trình Thủy	
15	2113567	Nguyễn Thị Thanh Huyền	21/03/2002	XD21DD3	Bình Thuận	2.80	Khá	7580201	DH	Toeic 665	Kỹ thuật Xây dựng	
16	2013430	Nguyễn Dương Khang	26/09/2002	XD20DD2	Trà Vinh	7.13	Khá	7580201	DH	Toeic 650	Kỹ thuật Xây dựng	
17	2113768	Phan Đăng Khoa	01/08/2003	XD21CD1	Kiên Giang	2.60	Khá	7580205	DH	Toeic 615	Kỹ thuật Xây dựng Công trình Giao thông	
18	2113795	Lê Minh Khôi	11/12/2003	XD21CTN	Trà Vinh	2.60	Khá	7580210	DH	Toeic 665	Kỹ thuật Cơ sở Hạ tầng	
19	2113832	Dương Anh Kiệt	25/01/2003	XD21DD2	Quảng Trị	2.90	Khá	7580201	DH	Toeic 620	Kỹ thuật Xây dựng	
20	1812733	Nguyễn Thanh Thế Kiệt	02/10/2000	XD18KT	Đồng Nai	7.18	Khá	7580101	DH	Toeic 540	Kiến trúc	
21	2113926	Bùi Minh Long	20/12/2003	XD21DD3	Đồng Tháp	3.00	Khá	7580201	DH	Toeic 605	Kỹ thuật Xây dựng	
22	2013767	Mai Anh Minh	31/01/2002	XD20DD2	Bình Dương	7.44	Khá	7580201	DH	Toeic 675	Kỹ thuật Xây dựng	
23	2011667	Phạm ánh Ngân	03/06/2002	XD20KT	Tp. Hồ Chí Minh	7.09	Khá	7580101	DH	Toeic 605	Kiến trúc	
24	2111848	Trần Nghị	09/10/2003	XD21VL	Tp. Hồ Chí Minh	2.40	Trung bình	7510105	DH	Toeic 775	Công nghệ Kỹ thuật Vật liệu Xây dựng	
25	2114191	Võ Hiếu Nghĩa	08/10/2003	XD21DD3	Tây Ninh	2.50	Khá	7580201	DH	Toeic 690	Kỹ thuật Xây dựng	
26	2114169	Nguyễn Duy Nghiêm	17/12/2003	XD21DD3	Tp. Hồ Chí Minh	2.70	Khá	7580201	DH	Toeic 840	Kỹ thuật Xây dựng	
27	2011689	Phan Thị Mỹ Ngọc	13/12/2002	XD20KT	Tp. Hồ Chí Minh	7.06	Khá	7580101	DH	Toeic 665	Kiến trúc	
28	2013898	Thị Thị Minh Ngọc	18/03/2002	XD20KT	Thành phố Hải Phòng	7.12	Khá	7580101	DH	Toeic 625	Kiến trúc	
29	2114225	Nguyễn Đại Nguyên	20/12/2003	XD21VL	Thừa Thiên -Huế	2.70	Khá	7510105	DH	Toeic 625	Công nghệ Kỹ thuật Vật liệu Xây dựng	
30	2111891	Trương Thanh Nhân	05/06/2003	XD21CTN	Tiền Giang	3.20	Giỏi	7580210	DH	Toeic 610	Kỹ thuật Cơ sở Hạ tầng	
31	2014095	Trần Thuận Tiến Phát	26/07/2002	XD20KT	Tp. Hồ Chí Minh	7.11	Khá	7580101	DH	Toeic 615	Kiến trúc	
32	2114414	Mai Phạm Hoàng Phú	06/07/2003	XD21DD3	Tp. Hồ Chí Minh	2.60	Khá	7580201	DH	Toeic 685	Kỹ thuật Xây dựng	
33	2114421	Trần Phú	08/01/2003	XD21DD3	An Giang	2.70	Khá	7580201	DH	Toeic 605	Kỹ thuật Xây dựng	
34	2011834	Triệu Minh Phú	22/01/2002	XD20DD2	Sóc Trăng	7.31	Khá	7580201	DH	Toeic 600	Kỹ thuật Xây dựng	
35	2014221	Huỳnh Nguyễn Thiện Phước	29/03/2002	XD20DD1	Tp. Hồ Chí Minh	7.11	Khá	7580201	DH	Toeic 770	Kỹ thuật Xây dựng	
36	2112156	Nguyễn Thế Thanh Quyền	31/03/2003	XD21VL	Đồng Nai	2.20	Trung bình	7510105	DH	Toeic 715	Công nghệ Kỹ thuật Vật liệu Xây dựng	
37	1914970	Nguyễn Xuân Sơn	16/01/2001	XD19DD3	Lâm Đồng	6.86	TB Khá	7580201	DH	Toeic 600	Kỹ thuật Xây dựng	
38	2114873	Nguyễn Hữu Thiện	18/08/2003	XD21DD2	Tiền Giang	2.70	Khá	7580201	DH	Toeic 600	Kỹ thuật Xây dựng	
39	2114897	Nguyễn Ngọc Thịnh	21/10/2003	XD21DD3	Quảng Ngãi	2.60	Khá	7580201	DH	Toeic 610	Kỹ thuật Xây dựng	

Stt	Mã SV	Họ, tên SV	Ngày sinh	Tên lớp	Nơi sinh	Điểm TB tốt nghiệp	Xếp loại	Mã ngành	Hệ	Chứng chỉ	Tên ngành đào tạo	Ghi chú
40	2014623	Hòa Duy Thông	16/06/2002	XD20VL	Bình Phước	6.79	TB Khá	7510105	DH	Toeic 605	Công nghệ Kỹ thuật Vật liệu Xây dựng	
41	2115001	Cao Nguyễn Tín	21/05/2003	XD21DD2	Bình Định	2.70	Khá	7580201	DH	Toeic 600	Kỹ thuật Xây dựng	
42	1915599	Diệp Quốc Trọng	30/09/2001	XD19CD2	Bạc Liêu	7.46	Khá	7580205	DH	Toeic 600	Kỹ thuật Xây dựng Công trình Giao thông	
43	2112549	Nguyễn Trần Thanh Trúc	26/11/2003	XD21DD2	Đồng Tháp	2.60	Khá	7580201	DH	Toeic 675	Kỹ thuật Xây dựng	
44	2014894	Trương Văn Trung	08/03/2002	XD20CTN	Bình Phước	7.4	Khá	7580210	DH	Toeic 785	Kỹ thuật Cơ sở Hạ tầng	
45	2012372	Hồ Lữ Tú	04/12/2001	XD20DD3	Bình Thuận	6.86	TB Khá	7580201	DH	Toeic 630	Kỹ thuật Xây dựng	
46	2110658	Nguyễn Công Tước	17/09/2003	XD21DD2	Đồng Tháp	2.90	Khá	7580201	DH	Toeic 610	Kỹ thuật Xây dựng	
47	2115241	Phạm Chí Tường	15/12/2003	XD21TD	Bình Thuận	3.30	Giỏi	7520503	DH	Toeic 610	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	
48	2115266	Nguyễn Thị Tường Vi	03/03/2003	XD21VL	Đắk Lắk	2.80	Khá	7510105	DH	Toeic 665	Công nghệ Kỹ thuật Vật liệu Xây dựng	
49	2115296	Lê Hoàng Vinh	10/11/2003	XD21CD1	Vĩnh Long	2.50	Khá	7580205	DH	Toeic 620	Kỹ thuật Xây dựng Công trình Giao thông	
50	2015085	Huỳnh Nguyên Vũ	22/01/2002	XD20CB1	Khánh Hòa	6.65	TB Khá	7580203	DH	Toeic 615	Kỹ thuật Xây dựng Công trình Biển	